

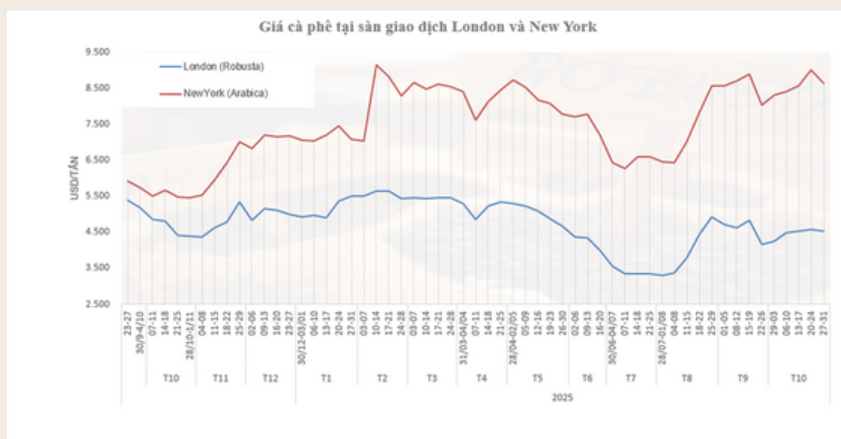
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê giảm trên hai sàn giao dịch New York và London trong tuần từ 27/10/2025 - 31/10/2025.
- Các nhà rang xay cà phê Hoa Kỳ đang đẩy mạnh sử dụng tồn kho trong khi chờ kết quả đàm phán thương mại với Brazil.
- Theo UCDA, xuất khẩu cà phê Uganda tháng 9/2025 đạt 844.949 bao.
- Niên vụ 2024/2025, xuất khẩu cà phê của Ấn Độ đạt 1,8 tỷ USD.
- Theo USDA, mức tiêu thụ cà phê nội địa của Trung Quốc hiện đạt khoảng 6,3 triệu bao.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 27/10/2025 đến 31/10/2025, giá cà phê thế giới tăng trên hai sàn giao dịch London và New York. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 11/2025 tại thị trường London bình quân đạt 4.530 USD/tấn, giảm 1,4% so với tuần trước và tăng 3% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 4.622 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 4.436 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 12/2025 bình quân đạt 8.658 USD/tấn, giảm 4,1% so với tuần trước, và tăng 58,5% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cao nhất trong tuần đạt 8.885 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 8.552 USD/tấn.[1]

HOA KỲ

Các nhà rang xay cà phê tại Hoa Kỳ đang tiêu thụ nhanh lượng tồn kho trong bối cảnh chờ đợi kết quả đàm phán thương mại giữa Hoa Kỳ và Brazil – yếu tố có thể quyết định việc họ phải trả giá cao hơn cho nguồn cung thay thế. Sau lệnh áp thuế nhập khẩu 50% của Tổng thống Donald Trump vào tháng 8/2025, cà phê Brazil - vốn chiếm khoảng một phần ba lượng tiêu thụ của Hoa Kỳ - đang dần biến mất tại thị trường này. Chính sách thuế đã gây xáo trộn thị trường cà phê trị giá 340 tỷ USD của Hoa Kỳ, khiến hàng nhập khẩu bị mắc kẹt, các nhà rang xay phải trả phí hủy đơn hàng, và người tiêu dùng chịu mức giá cà phê tăng tới 40%.[2]

Nhiều doanh nghiệp như Lucatelli Coffee phải tái xuất cà phê sang

Canada để tránh thuế, dù phải chịu chi phí vận chuyển cao. Trong khi đó, các nhà rang xay khác buộc phải tìm nguồn thay thế từ Colombia, Mexico hay Trung Mỹ, khiến giá các loại cà phê này tăng 10%, còn cà phê Brazil lại giảm 5%. Tồn kho cà phê tại Hoa Kỳ dự kiến giảm xuống mức tối thiểu 2,5–3 triệu bao vào tháng 12, gây áp lực lớn cho ngành. Giá cà phê bán lẻ tại Hoa Kỳ đã tăng 41% trong tháng 9 so với cùng kỳ, đạt trung bình 20,15 USD/kg, góp phần thúc đẩy lạm phát thực phẩm trong nước. Trong khi Brazil tỏ ra lạc quan về khả năng đạt được thỏa thuận thương mại, giá cà phê tại Hoa Kỳ nhiều khả năng vẫn duy trì ở mức cao trong thời gian tới.[2]



UGANDA

Theo báo cáo của Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda (UCDA), xuất khẩu cà phê của quốc gia này trong tháng 9 năm 2025 đạt 844.949 bao, tăng 56,09% so với cùng kỳ năm trước (tăng thêm 303.631 bao) - giá trị xuất khẩu cà phê trong tháng 9 của Uganda đạt 218,55 triệu USD, giảm 48,21% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó, xuất khẩu cà phê Robusta đạt 771.704 bao, tăng 50,19%, cà phê Arabica đạt 73.245 bao, tăng mạnh 166,23% so với tháng 9 năm 2024. Tính chung niên vụ từ tháng 10/2024 đến tháng 9/2025, tổng lượng cà phê xuất khẩu của Uganda đạt 8,24 triệu bao, cao hơn 29,63% so với cùng kỳ niên vụ trước, tương đương 1,88 triệu bao.[3]

Dự báo trong niên vụ 2025/2026, sản lượng cà phê của Uganda sẽ tiếp tục tăng, đạt khoảng 6,85 triệu bao, tăng 5,38% so với năm trước. Trong đó, cà phê Robusta chiếm ưu thế với khoảng 5,81 triệu bao, còn cà phê Arabica đạt 1,04 triệu bao, theo kết quả khảo sát thực địa độc lập.[3]



ẤN ĐỘ

Theo Bộ Thương mại và Công nghiệp Ấn Độ, trong niên vụ 2024–2025, xuất khẩu cà phê của Ấn Độ đạt 1,8 tỷ USD, tăng 40,2% so với mức 1,28 tỷ USD của niên vụ 2023–2024, đánh dấu năm thứ tư liên tiếp ngành cà phê duy trì đà tăng trưởng vượt mốc tỷ USD. Đà tăng trưởng ấn tượng này được thúc đẩy bởi nhu cầu toàn cầu ngày càng lớn đối với hương vị đặc trưng và chất lượng vượt trội của cà phê Ấn Độ. Khoảng 75% sản lượng cà phê của quốc gia này là Arabica và Robusta, phần lớn được xuất khẩu dưới dạng cà phê nhân chưa rang, tuy nhiên xu hướng tiêu thụ cà phê rang xay và cà phê hòa tan đang gia tăng, góp phần mở rộng giá trị xuất khẩu.[4]

Cà phê Ấn Độ chủ yếu được trồng tại dãy Ghats Tây và Đông, những khu vực giàu đa dạng sinh học, trong đó Karnataka là bang sản xuất lớn nhất, tiếp theo là Kerala và Tamil Nadu. Theo Bộ Thương mại, Ấn Độ hiện xếp thứ bảy thế giới về sản xuất cà phê, với kim ngạch xuất khẩu đạt 1,29 tỷ USD trong niên vụ 2023–2024, gần gấp đôi so với 719,42 triệu USD của niên vụ 2020–2021.[4]

TRUNG QUỐC

Chuỗi cà phê Trung Quốc Luckin Coffee ghi nhận kết quả kinh doanh khả quan trong Quý II năm 2025, với doanh thu ròng tăng 47% so với cùng kỳ năm trước, đạt 1,70 tỷ USD. Trong cùng giai đoạn, chuỗi này đã mở thêm 2.085 cửa hàng mới, nâng tổng số cửa hàng trên toàn cầu lên 26.206, tăng 17,4% so với cùng kỳ năm 2024. Thành tựu này phản ánh rõ tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ của thị trường tiêu thụ cà phê tại các quốc gia có truyền thống tiêu dùng cà phê còn mới, trong đó Trung Quốc được xem là ví dụ tiêu biểu.[5]

Theo báo cáo mới nhất của Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA), mức tiêu thụ cà phê nội địa của Trung Quốc hiện đạt khoảng 6,3 triệu bao, còn tương đối thấp so với các thị trường phát triển nhưng đã tăng trưởng khoảng 20% so với năm trước. Phần lớn lượng tiêu thụ này đến từ nguồn sản xuất nội địa, trong khi cà phê nhân nhập khẩu chỉ chiếm dưới 40% tổng lượng tiêu thụ.[5]



HỖ TRỢ NÔNG HỘ NHỎ TRONG EUDR

Tổ chức Fairtrade International hoan nghênh đề xuất mới nhất của Ủy ban châu Âu (EC) về việc tiếp tục triển khai EUDR mà không trì hoãn, thể hiện cam kết của EU trong việc bảo vệ rừng trên toàn cầu. Đề xuất này nhằm giảm gánh nặng cho các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ, qua đó góp phần điều chỉnh sự mất cân đối quyền lực trong thương mại và chuỗi cung ứng quốc tế.[6]

Tuy nhiên, Fairtrade cho rằng những điều chỉnh hiện tại vẫn chưa đủ để hỗ trợ hàng triệu nông hộ nhỏ ở ngoài EU, đặc biệt là ngoài các quốc gia “rủi ro thấp” và không trực tiếp xuất khẩu sang thị trường châu Âu. Fairtrade từ lâu đã coi bảo vệ rừng là trụ cột của thương mại bền vững, và tiếp tục kêu gọi cách tiếp cận vừa đảm bảo mục tiêu bảo vệ rừng, vừa thực tiễn trong triển khai EUDR.[6]

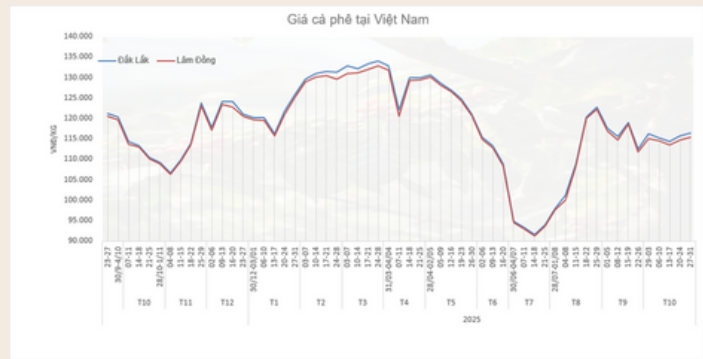
Fairtrade nhấn mạnh rằng nhiều nhà sản xuất cần được hỗ trợ tài chính, kỹ thuật và năng lực để có thể thực hiện hiệu quả các yêu cầu của EUDR. Fairtrade cũng yêu cầu các nhà lập pháp EU xem xét giải pháp công bằng hơn cho nông hộ nhỏ, qua đó đảm bảo EUDR được thực hiện hiệu quả và bền vững.[6]



ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng và Đắk Lắk tăng so với tuần trước.
- Hoa Kỳ xem xét miễn thuế đối ứng cho cà phê Việt Nam.
- Thế hệ Gen Alpha (13-17 tuổi) đang là tệp khách hàng tiềm năng cho ngành cà phê Việt Nam.
- Lâm Đồng chú trọng công tác thu hái và xử lý sau thu hoạch.
- Xã Mường Chanh (Sơn La) định hướng phát triển vùng cà phê chất lượng cao.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



Nguồn: CTV AgroInfo

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 27/10/2025 đến ngày 31/10/2025, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắk Lắk tăng so với tuần trước. Tại Đắk Lắk, giá cà phê bình quân đạt 116.533 VNĐ/kg, tăng 0,7% so với tuần trước, và tăng 6,6% so với cùng kỳ năm 2024. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 117.933 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 115.633 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 114.720 VNĐ/kg, tăng 0,6% so với tuần trước, và tăng 5,9% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 116.800 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 114.500 VNĐ/kg. [1]

CƠ HỘI CỦA CÀ PHÊ VIỆT NAM TẠI THỊ TRƯỜNG HOA KỲ

Việt Nam xem xét điều chỉnh mức thuế đối ứng đối với hàng hóa nhập khẩu từ Việt Nam, trong đó có cà phê, đang mở ra triển vọng tích cực cho ngành xuất khẩu cà phê Việt Nam. Trước đây, cà phê Việt Nam được hưởng mức thuế nhập khẩu 0% khi vào thị trường Hoa Kỳ. Tuy nhiên, sau khi Hoa Kỳ áp dụng mức thuế đối ứng 20% cho toàn bộ hàng hóa Việt Nam, mặt hàng này cũng chịu tác động trực tiếp, ảnh hưởng đến lợi thế cạnh tranh. Với tín hiệu mới từ chính quyền Hoa Kỳ về việc miễn giảm thuế cho các nhóm hàng không sản xuất nội địa, cà phê Việt Nam có thể được khôi phục mức thuế 0%, tạo động lực lớn cho xuất khẩu.[2]

Theo ông Đỗ Hà Nam, Phó Chủ tịch Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam, lợi thế của cà phê Việt Nam nằm ở chi phí sản xuất thấp và khả năng cung ứng ổn định, đặc biệt với cà phê Robusta – mặt hàng chủ lực chiếm hơn 90% sản lượng. Nhờ giá thành cạnh tranh, cà phê Việt Nam có vị thế vững chắc trong phân khúc cà phê hòa tan, cà phê pha trộn và các sản phẩm công nghiệp có nhu cầu lớn về nguyên liệu thô. [2]

GIỮ VỮNG LỢI THẾ CẠNH TRANH CHO NGÀNH CÀ PHÊ VIỆT NAM

Trong chín tháng đầu năm 2025, xuất khẩu cà phê Việt Nam đạt 1,23 triệu tấn, trị giá 6,98 tỷ USD, tăng 61,4% về giá trị so với cùng kỳ và vượt tổng kim ngạch năm 2024. Giá xuất khẩu bình quân đạt 5.658 USD/tấn, mức cao kỷ lục trong bối cảnh nhu cầu toàn cầu gia tăng. Cà phê Robusta tiếp tục giữ vai trò chủ lực, trong khi cà phê chế biến sâu nổi lên là động lực tăng trưởng mới, đạt 1,18 tỷ USD, tăng 63,5%.[3]

Tại Hoa Kỳ, Việt Nam giữ vị trí nhà cung cấp cà phê lớn thứ tư, hưởng lợi từ việc Brazil giảm nguồn cung và nhu cầu tăng ở phân khúc cà phê chế biến. Tuy nhiên, xuất khẩu sang Thái Lan sụt giảm mạnh do doanh nghiệp trong nước chưa thích ứng nhanh với xu hướng tiêu dùng mới. Để duy trì lợi thế cạnh tranh, ngành cà phê Việt Nam cần chuẩn hóa quy trình sản xuất, đáp ứng tiêu chuẩn EUDR, tăng cường chế biến sâu và truy xuất nguồn gốc. Dự kiến, niên vụ 2025–2026, sản lượng cà phê đạt 1,76 triệu tấn, góp phần củng cố vị thế của Việt Nam trên thị trường cà phê toàn cầu.[3]

TỆP KHÁCH HÀNG MỚI CỦA CÀ PHÊ VIỆT NAM

Theo khảo sát “Hiểu về khách hàng cà phê – Understand Coffee Consumers” do Cốc Cốc thực hiện, thế hệ Gen Alpha (13–17 tuổi) đang dần trở thành nhóm khách hàng tiềm năng của thị trường cà phê hòa tan Việt Nam. Mặc dù có tần suất tiêu thụ hàng ngày thấp nhất (10%) do chưa trưởng thành, nhưng nhóm này lại có động lực uống cà phê để tỉnh táo cao nhất (49%), thể hiện nhận thức sớm về công dụng của sản phẩm. Khoảng 60% Gen Alpha cho biết đã từng uống cà phê hòa tan và 74% trong số đó yêu thích cà phê sữa. Họ có xu hướng tiêu dùng hiện đại, ưa chuộng mua hàng tại siêu thị và cửa hàng tiện lợi, đồng thời sẵn sàng thử nghiệm các sản phẩm, thương hiệu mới nếu giá cả hợp lý.[4]

Kết quả khảo sát cũng chỉ ra xu hướng tăng tiêu thụ cà phê hòa tan, khi 69% người tham gia năm 2025 cho biết đã dùng thử sản phẩm, tăng so với 65% năm 2024. Điều này phản ánh nhu cầu gia tăng đối với cà phê hòa tan tại Việt Nam, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế khó khăn, người tiêu dùng ưu tiên các sản phẩm tiện lợi, giá cả phải chăng.[4]

LÂM ĐỒNG

Trong bối cảnh nông dân Lâm Đồng bước vào vụ thu hoạch cà phê, công tác thu hái và xử lý sau thu hoạch ngày càng được chú trọng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm. Nhiều hộ nông dân ở xã Krông Nô, xã Đức An, v.v. đã áp dụng kỹ thuật thu hái chọn lọc, chỉ hái quả chín đạt trên 80% và tránh hái quả xanh hoặc để chín rụng, giúp duy trì hương vị và giá trị thương phẩm. Đồng thời, họ tuân thủ nghiêm ngặt quy trình phơi sấy và bảo quản, sử dụng dụng cụ sạch, tránh nhiễm tạp chất và nấm mốc.[3]

Ngành nông nghiệp tỉnh cũng tăng cường hướng dẫn kỹ thuật thu hái, phơi, sấy phù hợp với điều kiện thời tiết, đồng thời tổ chức các nhóm lao động thu hái để bảo đảm tiến độ mùa vụ. Các sản phẩm, lò sấy được khuyến cáo phải đạt tiêu chuẩn vệ sinh, thoát nước tốt và cách xa chuồng trại. Song song đó, các hoạt động xúc tiến thương mại, quảng bá và kết nối tiêu thụ cà phê được đẩy mạnh, giúp gia tăng giá trị và nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm cà phê Lâm Đồng.[3]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	115.700	114.500	114.600	115.500	116.800	115.420	700
Di Linh	115.700	114.500	114.600	115.500	116.800	115.420	700
Lâm Hà	115.700	114.500	114.600	115.500	116.800	115.420	700
Bảo Lộc	115.700	114.500	114.600	115.500	116.800	115.420	700
ĐẮK LẮK	116.933	115.633	115.733	116.433	117.933	116.533	780
Cư M'gar	117.000	115.700	115.800	116.500	118.000	116.600	780
Ea H'leo	116.900	115.600	115.700	116.400	117.900	116.500	780
Buôn Hồ	116.900	115.600	115.700	116.400	117.900	116.500	780
ĐẮK NÔNG	116.950	115.450	115.750	116.650	118.150	116.590	800
Gia Nghĩa	117.000	115.500	115.800	116.700	118.200	116.640	800
Đắk R'lấp	116.900	115.400	115.700	116.600	118.100	116.540	800
GIA LAI	116.433	115.233	115.333	116.133	117.633	116.153	940
Chư Prông	116.500	115.300	115.400	116.200	117.700	116.220	940
Pleiku	116.400	115.200	115.300	116.100	117.600	116.120	940
La Grai	116.400	115.200	115.300	116.100	117.600	116.120	940
KON TUM	116.400	115.200	115.300	116.100	117.600	116.120	940
Đắk Hà	116.400	115.200	115.300	116.100	117.600	116.120	940

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
[2]: <https://www.reuters.com>
[3]: <https://www.iandmsmith.com>
[4]:<https://www.thehindubusinessline.com>
[5]: <https://www.iandmsmith.com>
[6]: <https://www.fairtrade.net>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
[2]: <https://thanhnien.vn>
[3]: <https://nhandan.vn>
[4]:<https://doanhnghiepkinhdoanh.doanhnhanvn.vn>
[5]: <https://baolamdong.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả